

Vietnam Monthly Review 2019 M10

BSC Research

BSC Trụ sở chính
Tầng 10 & 11, Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Hồ Chí Minh
Tầng 9, 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3812 8885
Fax: +84 8 3812 8510

Kinh tế vĩ mô

- Chỉ số PMI giảm từ mức 50.5 của tháng 09 xuống mức 50 điểm trong tháng 10, và thúc thời kỳ tăng kéo dài 46 tháng.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10T2019 ước tính đạt 4,059 nghìn tỷ đồng, tăng 11.8% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9.4%
- Trong 10T2019, FDI đăng ký giảm 16.4% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân tăng 7.4% so với năm ngoái. Vốn FDI tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến chế, chế tạo.
- Tỷ giá USD liên ngân hàng giao động trong khoảng 23,260– 23,270 USD/VND, ổn định hơn so với biên độ trong tháng 09. Lãi suất liên ngân hàng tại các loại kỳ hạn đều suy giảm trong tháng 10.

Thị trường chứng khoán

- Tính đến ngày 31/10/2019, VN-Index chính thức tăng 2.3 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (+0.23% MoM) và HNX-Index tăng 0.14 điểm (+0.13% MoM). Tính từ đầu năm 2019, chỉ số VN-Index tăng 106.28 điểm (+11.91% ytd) và chỉ số HNX-Index tăng 0.96 điểm (+0.92% ytd).
- Thanh khoản bình quân trên 2 sàn giảm -1.98% so với tháng 9/2019, và duy trì ở mức 4,294 tỷ đồng/phiên và tương ứng với gần 184.3 triệu USD/phiên.
- Trong tháng 10, khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trên cả hai sàn HSX và HNX. Khối ngoại bán ròng trên sàn HSX -1,661 tỷ đồng, bán ròng -28.4 tỷ đồng trên sàn HNX.
- P/E của VN-Index giảm xuống mức 16.42 tương ứng -2.97% MoM, +9.03% Ytd và HNX-Index tăng lên mức 7.59 tương ứng +0.23% MoM, -12.84% Ytd. So với tháng 9, P/E của chỉ số VN-Index giữ ở vị trí thứ 10 và HNX-Index giữ ở vị trí thứ 20 trong khu vực Châu Á.

Nhận định thị trường tháng 11

Với chuyển biến tích cực từ KQKD quý III và hiệu ứng mua cổ phiếu quỹ của một vài cổ phiếu lớn, VN-Index đã vượt qua ngưỡng tâm lý 1,000 điểm và đang hướng tới ngưỡng 1,050 điểm như đề cập trong báo cáo quý IV ([Link](#)). Các cổ phiếu lớn đóng vai trò dẫn dắt, hình thành mặt bằng giá mới trước khi lan tỏa sang các nhóm cổ phiếu có KQKD cải thiện và triển vọng tích cực. Vùng vận động giá VN-Index tháng 10 từ 983 điểm - 1,050 điểm. Trong tháng 11, BSC đưa ra 2 kịch bản như sau:

- VN-Index tăng điểm đến 1,050 điểm và duy trì trên ngưỡng 1,000 điểm. Thanh khoản cải thiện dần, hoạt động luân chuyển ngành rõ rệt hơn.
- Trường hợp tiêu cực, VN-Index có thể giảm dưới 983 điểm nếu có những thông tin bất lợi từ thể giới và áp lực thoái vốn từ khối ngoại.
- **Cổ phiếu khuyến nghị:**
 - Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng Ngành năm 2019 ([Link](#)) và Báo cáo triển vọng ngành quý IV ([Link](#));
 - Nhóm cổ phiếu cải thiện mạnh và có triển vọng tích cực như Ngân hàng, Bán lẻ, công nghệ thông tin – bưu chính viễn thông;
 - Nhóm cổ phiếu đánh giá triển vọng tích cực như BĐS khu công nghiệp, dệt may, điện, hàng không;
 - Các cổ phiếu có tính phòng thủ cao và trả cổ tức cao;
 - Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo chiến lược ngành quý III, các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

Danh mục-Invest:

Danh mục Vật liệu Xây dựng - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - có mức hiệu suất thặng dư ấn tượng 2.9%, con số này của VNINDEX là 0.5%. (xem chi tiết tại trang 26)

Bức tranh vĩ mô tháng 10/2019

Tăng trưởng kinh tế

- Chỉ số PMI giảm từ mức 50.5 của tháng 09 xuống mức 50 điểm trong tháng 10, kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 46 tháng.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 10/2019 ước tính tăng 2.7% so với tháng trước và tăng 9.2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm nhẹ 0.2%; chế biến, chế tạo tăng khá 10.8%; sản xuất và phân phối điện tăng 8.1%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6.9%.

Tính chung 10 tháng năm 2019, IIP ước tính tăng 9.5% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 10.3% YoY. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 1.2% (cùng kỳ năm trước giảm 2.3%), đóng góp 0.2 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành chế biến, chế tạo tăng 10.8%, đóng góp 8.3 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9.9%, đóng góp 0.9 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7.2%, đóng góp 0.1 điểm phần trăm.

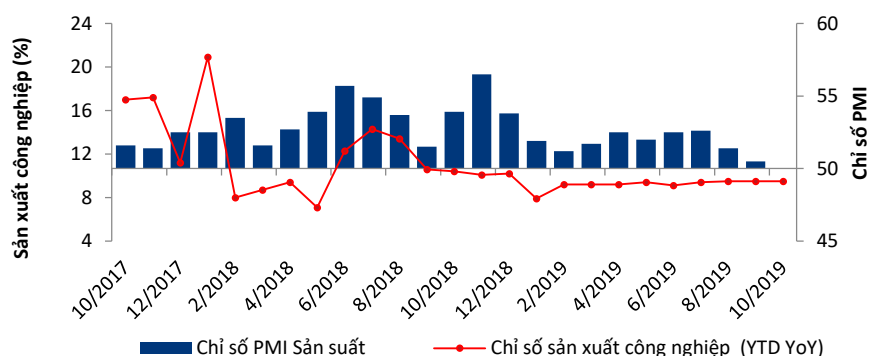
Trong các ngành công nghiệp cấp II, top 3 ngành có chỉ số sản xuất tháng 10 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất kim loại tăng 34.3%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 31.8%; khai thác quặng kim loại tăng 20.7%;

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 10T2019 nay tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sắt, thép thô tăng 42.8%; xăng, dầu tăng 33.2%; thép thanh, thép góc tăng 17.7%.

Một số sản phẩm tăng giảm: Khí đốt thiên nhiên dạng khí tăng 1.9%; sữa bột tăng 1.3%; thức ăn cho gia súc giảm 0,4%; phân hỗn hợp NPK giảm 0.5%.

Đồ thị 1

Chỉ số sản xuất công nghiệp & PMI



Nguồn: GSO, Markit, BSC Research

Chỉ số PMI giảm từ mức 50.5 của tháng 09 xuống mức 50 điểm trong tháng 10, và kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 46 tháng. Các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam đã không thay đổi trong tháng 10 khi số lượng đơn đặt hàng mới tăng chậm lại và sản lượng giảm liên tục lần đầu tiên kể từ quý 3 năm 2013. Số lượng việc làm cũng giảm trong tháng. Về khía cạnh giá cả, tốc độ

tăng chi phí đầu vào tăng nhanh hơn và để đáp lại, các công ty đã tăng giá bán hàng lần đầu tiên trong gần một năm qua. Cụ thể:

- Trong khi số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng, tốc độ tăng chỉ là nhỏ sau khi chậm lại tháng thứ ba liên tiếp thành mức yếu nhất trong thời kỳ tăng gần đây bắt đầu vào tháng 12/2015. Tình trạng tương tự diễn ra với số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới khi tốc độ tăng chậm lại thành mức độ nhỏ.
- Các công ty đã giảm số lượng việc làm tháng thứ hai liên tiếp. Mặc dù chỉ ở mức khiêm tốn, tốc độ giảm việc làm là cao nhất kể từ tháng 3/2015. Công suất hoạt động giảm đã khiến lượng công việc tồn đọng tăng lần thứ tư trong năm tháng qua.
- Đã có một số báo cáo về những vấn đề với nguồn cung nguyên vật liệu trong tháng 10 dẫn đến giá cả đầu vào tăng, và thời gian giao hàng của nhà cung cấp bị kéo dài.
- Sản lượng giảm đã ảnh hưởng lên lượng hàng tồn kho trong tháng 10. Nhu cầu hàng hóa đầu vào giảm trong hoạt động sản xuất đã dẫn đến tăng tồn kho hàng mua. Trong khi đó, sản lượng giảm dẫn đến tồn kho thành phẩm giảm, sau khi đã tăng trong tháng 9. Hơn nữa, tốc độ giảm là nhanh nhất kể từ tháng 3/2016.
- Mức độ lạc quan trong kinh doanh đã tăng trở lại từ mức thấp của 13 tháng được ghi nhận trong tháng 9 và đã quay trở lại mức được ghi nhận trong tháng 8. Các công ty tự tin rằng sản lượng sẽ tăng trong năm tới, và tình trạng lạc quan tích cực thường được cho là do kỳ vọng thị trường tăng.

Giai đoạn trì trệ của lĩnh vực sản xuất Việt Nam tiếp tục kéo sang tháng 10 khi các công ty có vẻ thận trọng về sản lượng, việc làm và hoạt động mua hàng trong bối cảnh các dấu hiệu cho thấy số lượng đơn đặt hàng mới tăng yếu hơn và nhu cầu trên thế giới suy giảm. Tuy mức PMI đã suy giảm về ngưỡng trung lập 50, nhưng kỳ vọng lạc quan đã tăng trở lại cho thấy tình hình PMI có thể sẽ cải thiện và duy trì trên mức 50 điểm trong hai tháng cuối năm khi thương chiến Hoa Kỳ - Trung Quốc đang tiến vào giai đoạn hòa hoãn. Điều này sẽ tạo điều kiện kinh doanh ổn định hơn khi nỗi lo suy thoái của nhà đầu tư giảm bớt.

Bên cạnh đó, chỉ số PMI của Trung Quốc đã giảm mạnh xuống mức 49.3 trong tháng 10 từ mức 49.8 của tháng 09. Sự suy giảm trong hoạt động sản xuất được là hậu quả của xu hướng suy giảm trong các đơn đặt hàng mới đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 06. Đồng thời, các đơn hàng xuất khẩu cũng đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 07. Sản xuất chung tiếp tục mở rộng trong tháng 10, nhưng với tốc độ chậm nhất kể từ tháng 02. Hiện tượng này sẽ tiếp tục duy trì lợi thế kinh tế của Hoa Kỳ về các hoạt động đàm phán của tổng thống Donald Trump trong thời gian tới.

Lạm phát

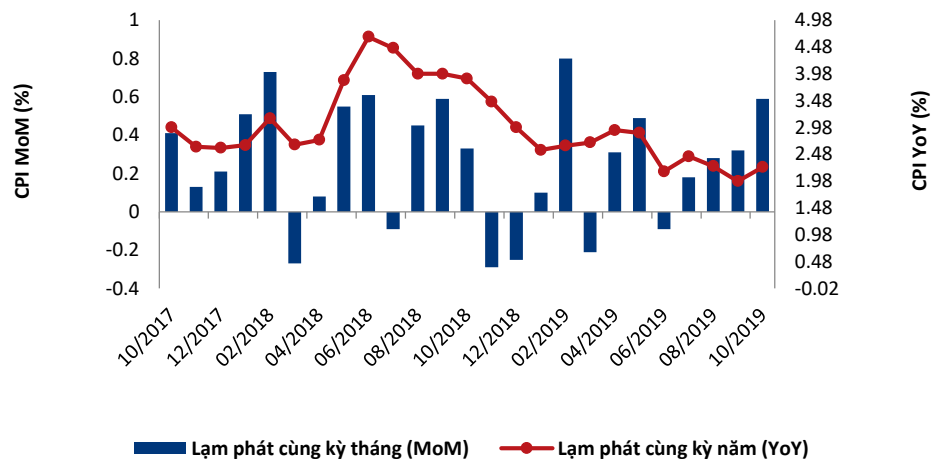
- CPI tháng 10 tăng +0.59% so với tháng 09 trong đó CPI của 10/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tháng 10 tăng so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI của tháng 10 tăng 0.59% so với tháng trước, và tăng 2.26% so với cùng kỳ năm 2018. Lạm phát cơ bản tháng 10/2019 tăng 0.15% so với tháng trước và tăng 1.99% so với cùng kỳ năm trước.

CPI bình quân 10T2019 tăng 2.48% so với bình quân năm 2018. Lạm phát cơ bản bình quân 10 tháng đầu năm nay cũng tăng 2.24% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Đồ thị 2

Diễn biến CPI tháng



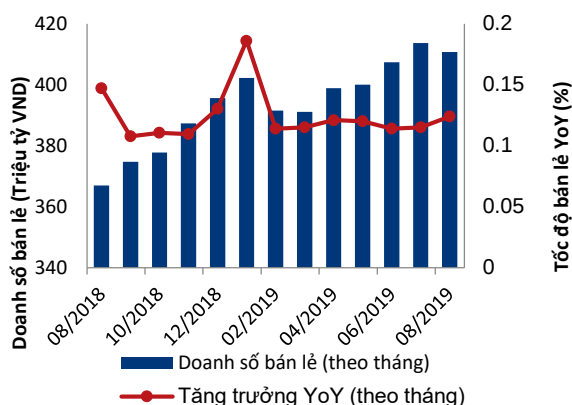
Nguồn: GSO, BSC Research

Trong tháng 10, chỉ số giá của 10/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ ghi nhận tăng giá. Biến động của CPI trong tháng được gây ra bởi những nguyên nhân sau:

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng cao nhất 1.04% (lương thực tăng 0.05%; thực phẩm tăng 1.57%).** Giá thịt lợn tăng do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi làm giảm nguồn cung thịt lợn.
- Nhóm giao thông tăng 0.99% do ảnh hưởng từ đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu vào thời điểm 1/10/2019 và điều chỉnh giảm giá xăng, dầu vào thời điểm 16/10/2019 làm chỉ số giá xăng, dầu tăng 2.22%.**
- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0.53%, chủ yếu do giá gas trong nước điều chỉnh tăng vào thời điểm 1/10/2019 làm chỉ số giá gas tăng 7.62%.**
- Nhóm giáo dục tăng 0.19% (dịch vụ giáo dục tăng 0.21%)** do một số địa phương thực hiện tăng học phí năm học mới 2019-2020.

Đồ thị 3

Doanh số bán lẻ



Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 1

Tăng/giảm CPI các nhóm hàng hóa dịch vụ trong tháng

TT	Nhóm hàng hóa, dịch vụ	So với tháng trước (điểm %)	So với cùng kỳ (điểm %)
1	Hàng ăn và dịch vụ ăn	1.04	2.65
2	Giao thông	0.99	-3.19
3	Thuốc & dịch vụ y tế	0.04	8.84
4	Nhà ở & VLXD	0.53	2.94
5	Văn hóa giải trí	0.12	1.66
6	Đồ uống, thuốc lá	0.04	2.11
7	May mặc, mũ nón, giày	0.06	1.73
8	Thiết bị đồ dùng gia đình	0.09	1.34
9	Giáo dục	0.19	4.25
10	Bưu chính viễn thông	-0.06	-0.55
11	Khác	0.17	3.12

Nguồn: GSO, BSC Research

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10/2019 ước tính đạt 425.7 nghìn tỷ đồng, tăng 1.5% so với tháng trước và tăng 13.3% so với cùng kỳ năm 2018.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 322,7 nghìn tỷ đồng, tăng 1.7% và tăng 14.7%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 49.1 nghìn tỷ đồng, tăng 0.5% và tăng 9.2%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3.9 nghìn tỷ đồng, tăng 0.2% và tăng 9.5%; doanh thu dịch vụ khác đạt 50 nghìn tỷ đồng, tăng 1.2% và tăng 9.2%.

Tính chung 10T2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 4,059.4 nghìn tỷ đồng, tăng 11.8% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9.4% (cùng kỳ năm 2018 tăng 8.9%). Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa 10 tháng đạt 3,083.4 nghìn tỷ đồng, chiếm 76% tổng mức và tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

• FDI đăng ký đạt 13.1 tỷ đô và giảm -31.2% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân đạt 12 tỷ đô và tăng 6.3% so với năm ngoái.

• Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo khi ngành này chiếm đến 74.6% tổng vốn đăng ký.

Tổng vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm đến hết 20/10/2019 của 3,094 dự án (+25.9% YoY) đạt 12.8 tỷ USD (-14.6% YoY), cộng với 5.47 tỷ USD vốn đăng ký điều chỉnh của 1,145 dự án đã cấp phép trong các năm trước. Như vậy, tổng số vốn FDI đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm đạt 18.30 tỷ USD (-15.2% YoY).

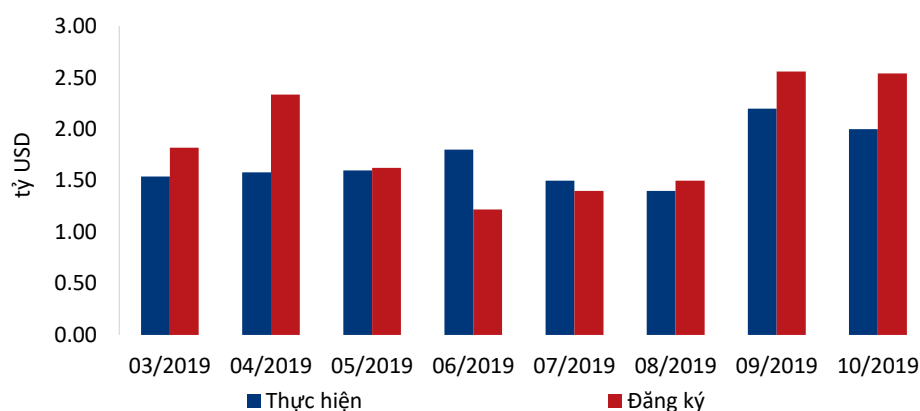
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 10 tháng ước tính đạt 16.2 tỷ USD, tăng 7.4% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong 10T2019, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký của các dự án được cấp phép mới đạt 9.13 tỷ USD, chiếm 71.2% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1.283 tỷ USD, chiếm 10 %; các ngành còn lại đạt 2.4 tỷ USD, chiếm 18.8%.

Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong 10 tháng đạt 13.872,9 triệu USD, chiếm 75,8% tổng vốn đăng ký; ngành kinh doanh bất động sản đạt 1.235 triệu USD (có 22 lượt dự án điều chỉnh vốn với tổng số vốn đăng ký điều chỉnh giảm 46,8 triệu USD), chiếm 6,7%; các ngành còn lại đạt 3.194,5 triệu USD, chiếm 17,5%.

Đồ thị 4

Vốn FDI (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Top 3 khu vực thu hút FDI đăng ký cả nước: Bình Dương (1.24 tỷ USD– 9.7%), TP. Hồ Chí Minh (1.07 tỷ USD– 8.3%), Hà Nội (0.93 tỷ USD – 7.4%).

Trong 10T2019, Hàn Quốc là nhà đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam với số vốn đầu tư 2.76 tỷ USD, chiếm 21.5% tổng vốn đăng ký cấp mới; theo sát phía sau là Trung Quốc với 2.16 tỷ USD, chiếm 16.5% và Singapore với 1.84 tỷ USD, chiếm 14.3%.

Thương mại, Xuất nhập khẩu

- Cán cân thương mại tháng 10 ước tính nhập siêu 0.5 tỷ USD.
- Tính chung 10 tháng đầu năm xuất siêu 7 tỷ USD, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 21.3 tỷ USD và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 21.8 tỷ USD.

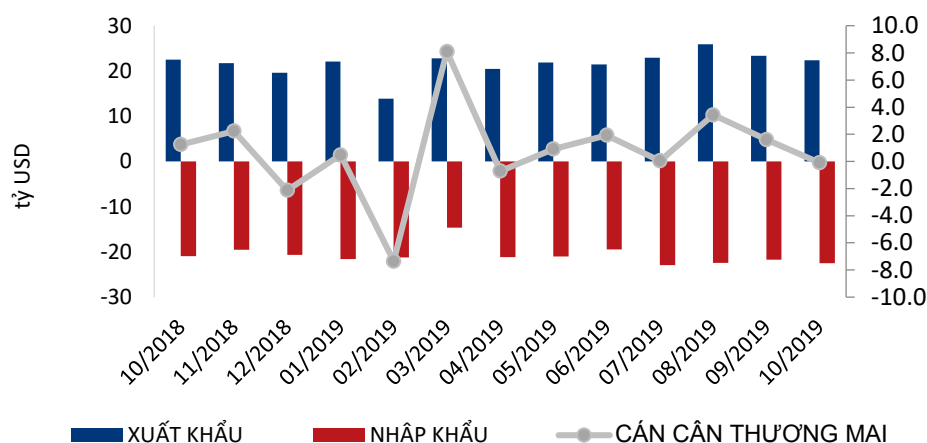
Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 10 ước đạt 22.4 tỷ USD, giảm 4.1% so với tháng trước, và giảm 0.8% so với cùng kỳ 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6.88 tỷ USD, giảm 2.6% so với tháng trước và tăng 11.7% so với cùng

kỳ năm trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 15.52 tỷ USD, giảm 4.7% so với tháng trước, và 5.5 so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu tháng 10 giảm so với tháng trước chủ yếu do Samsung kết thúc đợt đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm phiên bản mới Galaxy Note 10 làm cho xuất khẩu điện thoại và linh kiện giảm sâu 13.5%.

Đồ thị 5

Xuất nhập khẩu (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Tính chung 10 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 217.05 tỷ USD, tăng 7.4% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 66.63 tỷ USD, tăng 16.2% YoY; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 1504.42 tỷ USD, tăng 3.9% YoY. Từ đầu năm đến 15/10, điện thoại linh kiện điện tử nằm ở vị trí đứng đầu, đạt 30.3 tỷ USD (+6.8% YoY). Tiếp đến, Điện tử máy tính tăng trưởng +17.2% YoY đạt mức 27.42 tỷ. Dệt may ở vị trí thứ 3 đạt mức 25.81 tỷ (+8.7%).

Bảng 2

Top 10 mặt hàng xuất khẩu.

STT	Mặt hàng xuất khẩu	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện thoại, linh kiện	41.05	5.7%
2	Điện tử máy tính	27.04	17.2%
3	Dệt may	25.81	8.7%
4	Giày dép	13.88	12.4%
5	Máy móc, thiết bị khác	13.74	8.2%
6	Gỗ & SP từ gỗ	7.95	17.6%
7	PT vận tải & phụ tùng	6.66	6.7%
8	Thủy sản	6.59	-2.4%
9	Sắt thép	3.29	-6.8%
10	Máy ảnh, quay phim	3.22	2.9%

Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 3

Top 10 hàng hóa nhập khẩu

STT	Mặt hàng NK	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện tử, máy tính	40.44	21.3%
2	Máy móc, thiết bị	28.33	11.7%
3	Điện thoại, linh kiện	11.34	-3.4%
4	Vải	10.31	3.8%
5	Sắt thép	7.69	-2.7%
6	Chất dẻo	7.08	0.6%
7	SP chất dẻo	5.05	10.5%
8	Kim loại khác	5.04	-15.0%
9	NPL dệt may giày dép	4.63	2.9%
10	Xăng dầu	4.40	-32.1%

Nguồn: GSO, BSC Research

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 10 ước đạt 22.5 tỷ USD, tăng 3.5% so với tháng trước, và 3.5% so với cùng kỳ 2018. Trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 9.25 tỷ USD, tăng 5.8% so với tháng trước; và tăng 8.6% YoY. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13.25 tỷ USD, tăng 1.9% so với tháng trước, và tăng 0.2% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 10T2019, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước tính đạt 210 tỷ USD, % so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 87.9 tỷ USD, tăng 13 YoY%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13.25 tỷ USD, tăng 1.9% YoY. Đầu năm đến 15/10, các mặt hàng nhập khẩu trong có kim ngạch lớn gồm điện tử máy tính đạt mức 40.44 tỷ USD (+21.3% YoY), máy móc thiết bị 28.33 tỷ USD (+11.7% YoY), Điện thoại, linh kiện đạt 11.34 tỷ USD (-3.4% YoY).

Tốc độ tăng trưởng của cả hai nhóm xuất nhập khẩu có dấu hiệu chậm lại khi đàm phán thương mại Hoa Kỳ -Trung Quốc có tín hiệu tích cực cùng với việc Samsung dừng lại hoạt động đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm Galaxy Note 10. Nhiều khả năng trạng thái hòa hoãn giữa hai quốc gia này sẽ kéo dài đến cuối năm nhằm giảm thiểu các tác động bất lợi đối với nền kinh tế đang suy yếu. Các ảnh hưởng tiêu cực từ chiến tranh thương mại được đánh giá là nguyên nhân chính làm hạn chế tốc độ tăng trưởng kinh tế. Chỉ số vĩ mô các quốc gia này đều có dấu hiệu suy yếu khá rõ ràng với tốc độ tăng trưởng GDP Q3 của Trung Quốc chỉ đạt 6% trong khi Hoa Kỳ chỉ đạt 1.9%. Đây đều là mức tăng trưởng thấp ở cả hai quốc gia trong giai đoạn mười năm qua. BSC dự đoán tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu sẽ duy trì ở mức 10T2019 trong quý IV 2019 khi các động lực ủng hộ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu đang suy yếu dần.

Thị trường ngoại hối

- Tỷ giá trong tháng 10 tiếp tục duy trì xu hướng đi ngang nhờ hoạt động cân cân thương mại 10 tháng đạt mức xuất siêu 7 tỷ USD.
- Chỉ số Dollar Index cũng đã suy giảm nhẹ khi tổng thống Trump cho thấy tín hiệu tích cực của đàm phán thương mại Hoa Kỳ -Trung Quốc. Điều này đã làm dịch chuyển dòng tiền từ các tài sản trú ẩn an toàn như USD, vàng hoặc TPCP Mỹ sang các nhóm tài sản rủi ro hơn.
- Ngân hàng nhà nước duy trì chính sách nâng tỷ giá USD/VND và tỷ giá trung tâm đang tiếp cận ngưỡng giao dịch của tỷ giá tự do và tỷ giá liên ngân hàng.

Tỷ giá trung tâm trong tháng 10 dao động trong khoảng 23,145 – 23,165 USD/VND, tăng so với mức biên 23,130– 23,160 USD/VND trong tháng 09. Mức trung bình trong tháng là 23,155 USD/VND. Ngày 30/10, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,145, tăng +1.9% YTD và +1.9% YoY.

Tỷ giá liên ngân hàng trong tháng 10 dao động trong khoảng 23,260– 23,270

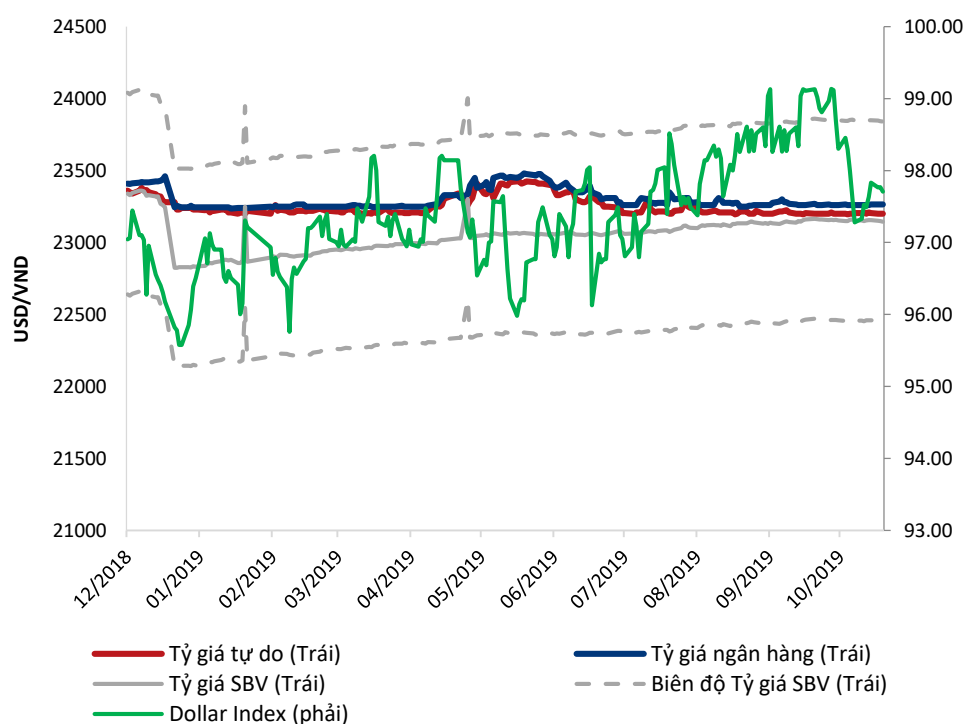
USD/VND, giảm so với biên độ 23,250– 23,300 USD/VND trong tháng 09. Mức trung bình trong tháng là 23,262 USD/VND. Ngày 30/10, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,265, giảm -0.4% YTD và -0.3% YoY.

Tỷ giá tự do trong tháng 10 dao động trong khoảng 23,195 – 23,210 USD/VND, giảm nhẹ so với biên độ 23,195 – 23,225 USD/VND trong tháng 09. Mức tỷ giá tự do trung bình trong tháng là 23,202 USD/VND. Ngày 30/10, tỷ giá đang giao dịch tại mức 23,200, giảm -1.2% YTD và giảm -1.1% YoY.

Chỉ số giá USD Dollar Index tháng 10 giảm -1.4% so với cuối tháng 09, và tăng 3.0% so với cùng kỳ năm ngoái. Chỉ số này dao động trong tháng với biên độ từ 97.3-99.13 điểm, với mức trung bình tháng đạt 98.21 điểm. Ngày 30/10, chỉ số đạt mức 97.7 điểm.

Đồ thị 6

Diễn biến tỷ giá



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Ngân hàng - Lãi suất

- Lãi suất liên ngân hàng tại các loại kỳ hạn đều suy giảm vào cuối tháng 10.
- Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trung và dài hạn vẫn ở mức ổn định.

Lãi suất liên ngân hàng ngắn hạn đã tăng trở lại sau khi giảm sâu vào tuần thứ 3. Lãi suất trung và dài hạn vẫn duy trì đà giảm từ đầu tháng 10. Tuy nhiên đến tuần cuối, hầu hết các loại lãi suất đều suy giảm trừ lãi suất dài hạn 6 tháng. Tại ngày 01/11, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng, và 6 tháng lần lượt đạt 1.42%, 1.70%, 2.35%, 3.73% và 3.84%.

Trong tháng 10, NHNN đã hút ròng 18,000 tỷ đồng trong tuần đầu, 2,502 tỷ đồng trong tuần 2, 2,504 tỷ đồng trong tuần thứ 3, bơm ròng 15,000 tỷ đồng vào tuần 4 và 20,000 tỷ đồng vào tuần thứ 5. Thanh khoản hệ thống liên ngân hàng vẫn ở trạng thái ổn định với mức lãi suất khá thấp nhờ [thông tư cắt giảm lãi suất](#) cùng với lượng dự trữ ngoại hối lớn.

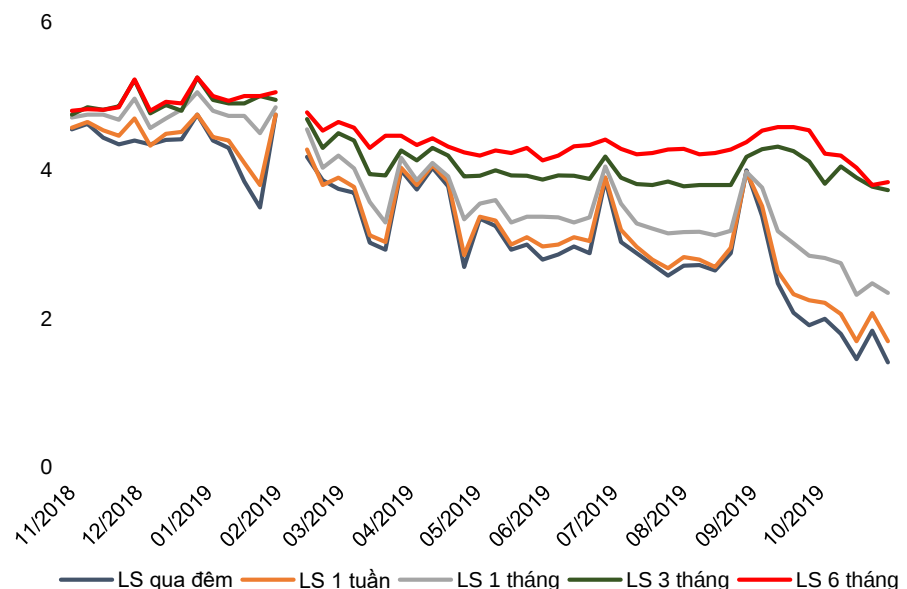
Ngày 31/10, mặt bằng lãi suất huy động đồng Việt Nam ở các NHTM nằm ở các mức sau:

- 0.1%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng;
- 4.1%-5.5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng;
- 5.3%-8.2%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng;
- kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 5.7-8.5%/năm.

Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Đồ thị 7

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, BSC Research.

Dự báo vĩ mô tháng 11/2019

Xét trên bình diện quốc tế, kinh tế vĩ mô tháng 11/2019 của Việt Nam có thể bị ảnh hưởng bởi một số tác động sau:

- Chiến tranh thương mại:** Vào ngày 16-17/11, bên lề hội nghị APEC, lãnh đạo của Trung Quốc và Hoa Kỳ dự kiến sẽ ký kết thỏa thuận thương mại giai đoạn một, với mục tiêu tạm dừng gia tăng thuế quan giữa hai bên. Điều này là kết quả của cuộc đàm phán tại Washington D.C. ngày 10/10. Tổng thống Donald Trump tạm dừng việc nâng thuế quan lên 30% đối với 250 tỷ USD hàng hóa nhập từ Trung Quốc vào ngày 15/10. 25% thuế quan trên 250 tỷ đô hàng hóa, cũng như 15% thuế quan trên 110 tỷ đô hàng hóa từ 01/09 vẫn tiếp tục được triển khai. Nếu cuộc đàm phán tiến triển theo hướng tích cực, Hoa Kỳ có thể tạm dừng việc đánh thuế với 160 tỷ đô hàng hóa nhập từ Trung Quốc vào 15/12. Trung Quốc nổi lại việc mua nông sản từ Hoa Kỳ – bắt đầu bằng thịt lợn và đậu tương tương đương lượng trước giai đoạn căng thẳng thương mại. Luật tài sản trí tuệ cũng được cam kết cải tổ bởi phía Trung Quốc. Dù thế nào, một thỏa thuận giữa hai bên sẽ là tín hiệu tích cực hỗ trợ thị trường trong giai đoạn tiếp theo. Tuy vậy, thỏa thuận trên không phải bắt đầu của việc kết thúc căng thẳng giữa hai nước. Trung quốc tiếp tục thể hiện quan điểm cứng rắn với việc can thiệp vào cấu trúc kinh tế bởi Hoa Kỳ. Nếu cuộc đàm phán tiến triển theo hướng tiêu cực, Trung Quốc có thể đẩy mạnh việc hiện thực hóa các hiệp định tự do thương mại, với mục đích tăng cường thông thương cùng các quốc gia khác, trong đó bao gồm Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Cam kết sơ bộ đối với hiệp định này có thể đạt được trong cuộc họp của ASEAN vào 4/11.
- Cuộc họp về chính sách tiền tệ của PBOC (20/11):** Ngân hàng Trung ương Trung Quốc cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc 100 bps và cắt giảm lãi suất cho vay 10 bps trong cuộc họp gần nhất. Các chỉ báo vĩ mô cho thấy kinh tế nước này tiếp tục diễn biến tiêu cực. GDP quý III tăng 6% so với quý III 2018 – thấp nhất kể từ năm 1992. Chỉ số PMI sản xuất chính thức tiếp tục nằm dưới ngưỡng tăng trưởng trong tháng thứ sáu liên tiếp, giảm mạnh xuống 49.3 trong tháng 10, từ mức 49.8 của tháng 9. Thành phần sản xuất của chỉ số PMI giảm mạnh xuống 50.8 trong tháng 10, từ mức 52.3 của tháng 9. Mức này lớn hơn mức giảm cùng tháng trong hai năm qua, tiệp tục thể hiện việc yếu kém của nền kinh tế nước này. Thành phần đơn đặt hàng mới giảm nhẹ xuống dưới ngưỡng tăng trưởng trong 5/6 tháng gần đây, thể hiện việc yếu kém đối với nhu cầu nội địa. Thành phần đơn đặt hàng xuất khẩu lụi sâu, về mức 47 trong tháng 10, từ mức 48.2 trong tháng 9, tiếp tục nằm dưới ngưỡng tăng trưởng trong tháng thứ mười bảy liên tiếp, phản ánh tác động tiêu cực của gia tăng thuế quan trên hàng hóa xuất khẩu Hoa Kỳ. Lợi nhuận doanh nghiệp giảm 5.3% trong tháng 9, sau khi giảm 2% trong tháng 8, là lần giảm thứ tư trong sáu tháng gần nhất, tương đồng với sự suy yếu của năm

2015. Với các chỉ số vĩ mô yếu kém như vậy, dù đối mặt với vấn đề tín dụng vượt kiểm soát, PBOC có khả năng tiếp tục cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và cắt giảm lãi suất cho vay một lần nữa trong cuộc họp sắp tới.

3. **Cuộc họp về chính sách tiền tệ của FED (29-30/10):** Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ tiếp tục cắt giảm 0.25% lãi suất tại cuộc họp gần nhất. Tuy vậy, Chủ tịch Jerome Powell cho thấy tín hiệu tạm dừng cắt giảm lãi suất trong ngắn hạn. Luận điệu được đưa ra về sự chủ động trong chính sách nhằm kéo dài giai đoạn tăng trưởng được thay bằng quan điểm điều hành thận trọng. Việc điều hành cắt giảm lãi suất tới thời điểm này được xem như phù hợp với tình hình vĩ mô, và do đó sẽ ít có khả năng thay đổi – giảm khả năng tiếp tục giảm lãi suất giảm trong những tháng cuộc họp tiếp theo. Trong thập niên 1990s, Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ lúc đó là Alan Greenspan cũng điều hành chính sách tương đồng – cắt giảm lãi suất ba lần liên tiếp sau đó tạm dừng, thành công trong việc kéo dài giai đoạn tăng trưởng. Trong triển vọng kinh tế thế giới hiện nay, các chỉ báo vĩ mô cho thấy kinh tế nước này vẫn phát triển tích cực. GDP sơ bộ của quý III tăng 1.9%, giảm nhẹ so với quý II tại mức 2%, tích cực hơn so với dự báo của thị trường. Chỉ tiêu tiêu dùng – chiếm hơn hai phần ba hoạt động kinh tế – cho thấy tín hiệu tích cực, giữ tại mức 0.2% trong tháng 9. Chỉ số PMI sản xuất tăng lên mức 51.5 trong tháng 10, từ mức 51.0 trong tháng 9, tiếp tục phục hồi sau khi giảm xuống ngưỡng thấp lịch sử là 50.3 trong tháng 8. Lạm phát tính toán dựa trên chỉ số giá tiêu dùng cá nhân – loại trừ giá mặt hàng thực phẩm và năng lượng, không thay đổi sau khi tăng tăng 0.1% trong tháng 8, giảm mức tăng hàng năm xuống 1.7%, tiếp tục giữ tại gần mục tiêu 2%. Với các chỉ số vĩ mô như vậy, FED có khả năng không thay đổi điều hành chính sách tiền tệ từ nay tới cuối năm.
4. **Brexit:** Nghị viện Anh đồng thuận cùng yêu cầu tiến hành bầu cử vào 12/12 bởi Thủ tướng Boris Johnson. Quyết định này được đưa ra sau khi đại diện các nước còn lại của EU nhất trí gia hạn ngày rời khỏi liên minh tới 31/01 năm 2020. Trước thời điểm gia hạn, Anh và EU đã đạt được thỏa thuận Brexit, nhưng tiến trình hoàn thành thỏa thuận trên trong những ngày còn lại được cho là quá gấp gáp bởi nghị viện Anh. Đảng Bảo thủ của ông Johnson đang nắm giữ lợi thế đối với cuộc bầu cử này. Nếu có đa số ghế tại nghị viện, thỏa thuận trên gần như chắc chắn được thông qua. Với rủi ro về rời khỏi liên minh không thỏa thuận được giảm trừ, tăng nhu cầu nội địa sẽ dẫn tới tăng trưởng GDP. Theo kịch bản này, Anh vẫn cần đàm phán thỏa thuận thương mại với liên minh EU. Việc này có thể kéo dài tới hết 2020, tác động tiêu cực tới việc kinh doanh. Nếu có thể liên minh với các đảng khác, nắm giữ đa số ghế tại nghị viện, Đảng Lao động sẽ loại bỏ nguy cơ về việc rời khỏi liên minh không thỏa thuận. Trưng cầu dân ý sẽ diễn ra một lần nữa đối với việc rời khỏi liên minh EU. Nếu trở lại liên minh EU, tăng đầu tư sẽ tác động tích cực lên tăng trưởng GDP. Dù thế nào, việc loại rủi ro rời khỏi liên minh không thỏa thuận cũng tác động tích cực tới triển vọng kinh tế thế giới. Nhưng trong kịch bản xấu nhất, không đảng nào có đa số ghế tại nghị viện,

triển vọng toàn cầu sẽ bị tác động tiêu cực khi Anh không thoát được vòng lẩn quẩn của Brexit và phụ thuộc vào các đợt gia hạn của EU.

Đối với tình hình trong nước, các tiêu điểm trong tháng 11/2019 bao gồm những vấn đề sau:

1. Kỳ họp quốc hội thứ 8 từ ngày 20/10-21/11: Đây sẽ là kỳ họp khá quan trọng xoay quanh các bộ luật Dự án Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, chính phủ cũng sẽ đưa ra báo cáo về kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; kết quả thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 cùng với tình hình triển khai thực hiện dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành theo Nghị quyết số 94/2015/QH13 của Quốc hội; Báo cáo của Chính phủ về tình hình thực hiện Nghị quyết số 52/2017/NQ14 về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020. Mục tiêu của các chỉ số vĩ mô 2020 và tình trạng thực hiện việc giải ngân các dự án đầu tư công hàng nghìn tỷ đồng sẽ phản ánh một phần triển vọng kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong năm 2020.

2. 4. Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 58/2019/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng tài khoản của Kho bạc Nhà nước (KBNN) mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) và các ngân hàng thương mại (NHTM). Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 1/11/2019. Theo quy định mới của Bộ Tài chính, 4 loại tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của KBNN mở tại NHNN và các NHTM, gồm: tài khoản thanh toán tổng hợp, tài khoản chuyên thu tổng hợp, tài khoản thanh toán, tài khoản chuyên thu. Thông tư hướng dẫn rõ về nội dung sử dụng tài khoản. Trong đó, tài khoản thanh toán tổng hợp của KBNN Trung ương mở tại Sở Giao dịch NHNN được sử dụng để đảm bảo khả năng thanh toán chung của các đơn vị KBNN qua kênh thanh toán điện tử liên ngân hàng.

3. Người lao động được vay tối đa 100 triệu đồng. Ngày 23/9/2019, Chính phủ ban hành Nghị định 74/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 61/2015/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, có hiệu lực 08/11/2019, theo đó Đối với người lao động, mức vay tối đa là 100 triệu đồng. Mức vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn. Thời hạn vay vốn tối đa 120 tháng. Thời hạn vay vốn cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

4. Quy định về xác lập quyền sở hữu công nghiệp. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ, có hiệu lực ngày 01/11/2019, theo đó quy định về xác lập quyền sở hữu công nghiệp như sau:

- Quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu được xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại Luật này hoặc công nhận đăng ký quốc tế theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
- Quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu nổi tiếng được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký.
- Quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý được xác lập trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo thủ tục đăng ký quy định tại Luật này hoặc theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Bảng 4
Các chỉ tiêu vĩ mô theo tháng

Chỉ tiêu/Tháng	2019M03	2019M04	2019M05	2019M06	2019M07	2019M08	2019M09	2019M10
GDP so với cùng kỳ năm trước (%)	6.79	-	-	6.71	-	-	7.31	-
GDP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	6.79	-	-	6.76	-	-	6.98	-
PMI	51.9	52.5	52	52.5	52.6	51.4	50.5	50.0
IIP so với cùng kỳ năm trước (%)	9.1	9.3	10	9.6	9.7	10.5	9.7	9.2
IIP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	9.2	9.2	9.4	9.1	9.4	9.5	9.5	9.5
Retail Sales so với cùng kỳ năm trước (%)	12.1	12.0	11.4	11.5	12.4	12.4	12.7	13.3
Retail Sales ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	12	11.9	11.6	11.5	11.6	11.5	11.6	11.8
CPI so với tháng trước (%)	-0.21	0.3	0.59	-0.09	0.18	0.28	0.32	0.59
CPI so với cùng kỳ năm trước (%)	2.7	2.93	2.88	2.13	2.44	2.26	1.98	2.24
FDI đăng ký (tỷ USD)	5.12	7.45	9.09	10.37	11.7	13.2	15.76	18.30
FDI giải ngân (tỷ USD)	4.12	5.70	7.30	9.10	10.6	12.0	14.2	16.20
Xuất khẩu (tỷ USD)	22.4	20.4	21.5	21.4	22.6	25.9	23.3	22.4
Nhập khẩu (tỷ USD)	21.8	20.9	22.8	19.5	22.4	22.5	21.7	22.5
Cán cân TM (tỷ USD)	0.6	-0.5	-1.3	1.9	0.2	3.4	1.6	-0.1
Tỷ giá (USD/VND)	23,245	23,261	23,420	23,404	23,292	23,284	23,266	23,262
Tăng trưởng tín dụng (%)	2.28	-	-	6.09	-	-	8.4	-

Nguồn: BSC Research

Thị trường chứng khoán tháng 10/2019

Tổng quan thị trường

Tháng 10 ghi nhận nỗ lực tăng điểm của chỉ số nhờ triển vọng vĩ mô ngoài nước có phần tích cực cùng với sự hỗ trợ của mùa công bố KQKD quý III. Tiếp nối tín hiệu hòa hoãn từ cả hai phái Trung-Mỹ, cuộc họp ngày 10/10 và sau đó là tiến trình tiến tới kí kết thoả thuận giai đoạn 1 giữa hai bên là yếu tố chính chi phối thị trường trong tháng 10. Bên cạnh đó, quyết định cắt giảm lãi suất lần thứ 3 trong năm nay của FED đã tác động tích cực lên tâm lý nhà đầu tư. Mùa công bố báo cáo KQKD quý III cũng chứng kiến sự phân hóa và biến động mạnh mẽ của thị trường khi có lúc VN-Index lùi về tích lũy quanh ngưỡng 982 điểm rồi bật tăng vượt mốc 1,000 điểm. Tương tự như với quý II, nhóm ngành Ngân hàng vẫn giữ vững vai trò nâng đỡ chỉ số. Tính đến ngày 31/10/2019, VN-Index chính thức tăng 2.3 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (+0.23% MoM) và HNX-Index tăng 0.14 điểm (+0.13% MoM). Tính từ đầu năm 2019, chỉ số VN-Index tăng 106.28 điểm (+11.91% ytd) và chỉ số HNX-Index tăng 0.96 điểm (+0.92% ytd).

Các nhóm cổ phiếu phân theo vốn hóa ít có biến động. Trong tháng 10, sàn HSX có 163 cổ phiếu tăng, 204 cổ phiếu giảm và 10 cổ phiếu không đổi. 5 cổ phiếu hỗ trợ VN-Index gồm VCB tăng +6.82% (góp 6.1 điểm), BID tăng +3.05% (góp 1.2 điểm), VJC tăng 5.30% (góp 1.2 điểm), CTG tăng +4.02% (góp 0.9 điểm), HVN tăng +4.17% (góp 0.6 điểm). Các cổ phiếu khiến VN-Index giảm điểm mạnh nhất gồm GAS giảm -2.63% (giảm -1.6 điểm), MSN giảm -2.89% (giảm -1.5 điểm), NVL giảm -6.74% (giảm -1.2 điểm), SAB giảm -1.18% (giảm -0.6 điểm) và BVH giảm -3.61% (giảm -0.5 điểm).

Bảng 6

Biến động 6 tháng gần nhất trên sàn HOSE

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
10	998.82	3.50	3,380.04
9	996.56	2.56	3,371.45
8	984.06	2.94	3,323.55
7	991.66	2.90	3,344.24
6	949.94	2.28	3,198.51
5	959.88	2.68	3,228.55

Nguồn: HSX, Bloomberg, BSC Research

Bảng 7

Biến động 6 tháng gần nhất trên sàn HNX

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
10	105.19	0.61	186.38
9	105.05	0.48	188.20
8	102.32	0.58	185.35
7	104.43	0.59	185.10
6	103.51	0.50	183.08
5	104.35	0.71	184.52

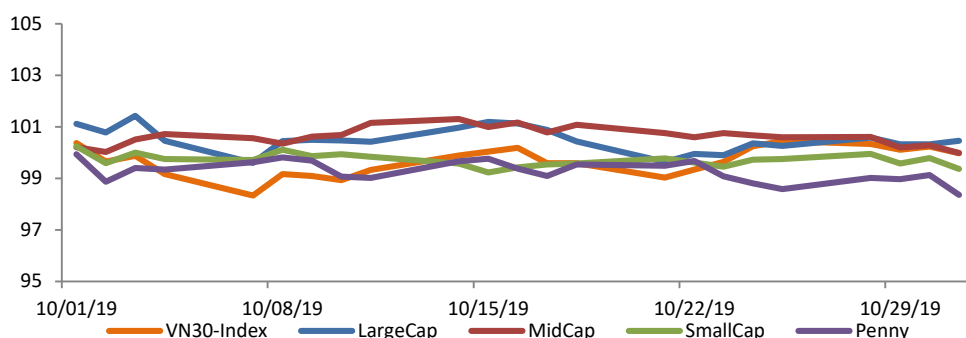
Nguồn: HNX, Bloomberg, BSC Research

Diễn biến nhóm cổ phiếu

Các nhóm cổ phiếu phân theo vốn hóa ít có biến động. Trong tháng 10, nhóm LargeCap trở thành lực nâng đỡ thị trường khi ghi nhận hiệu suất +0.46%, trong khi các nhóm VN30, MidCap, SmallCap và Pennies có hiệu suất lần lượt là -0.02%, -0.01%, -0.63%, -1.64%. Có thể thấy, sự vận động trong tháng vừa rồi của các nhóm cổ phiếu phần nào đến từ mùa công bố KQKD quý III.

Đồ thị 9

Biến biến của các nhóm cổ phiếu

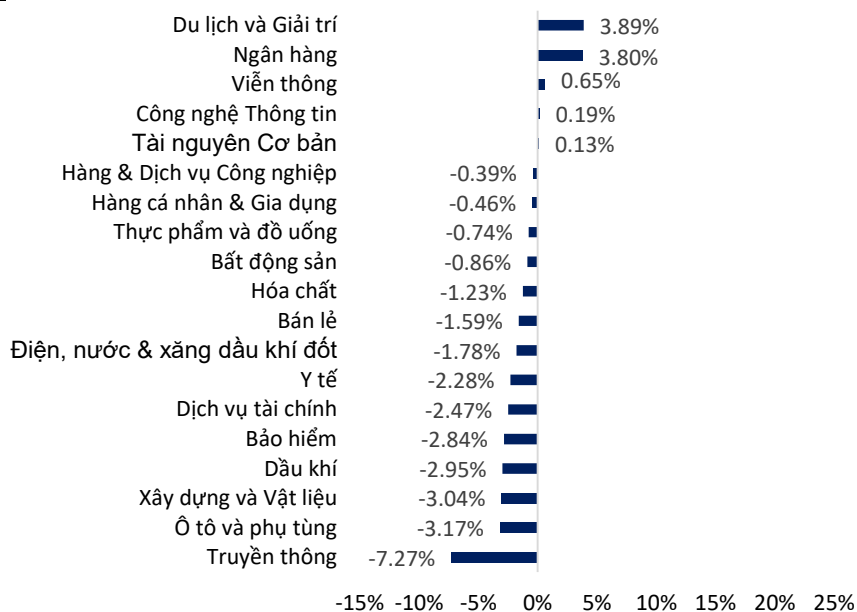


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Trong tháng 10, thị trường có 5/19 ngành tăng điểm. Trong đó, ngành Du lịch và giải trí tăng mạnh nhất với hiệu suất 3.89% do sự đóng góp của cổ phiếu HOT và HVN với mức tăng lần lượt là +57.59% và +4.17%, nhóm Ngân hàng tăng 3.80% với VCB (+6.82%), ngành Viễn thông tăng 0.65%.

Đồ thị 10

Ngành cấp 2 tháng 10 2019



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

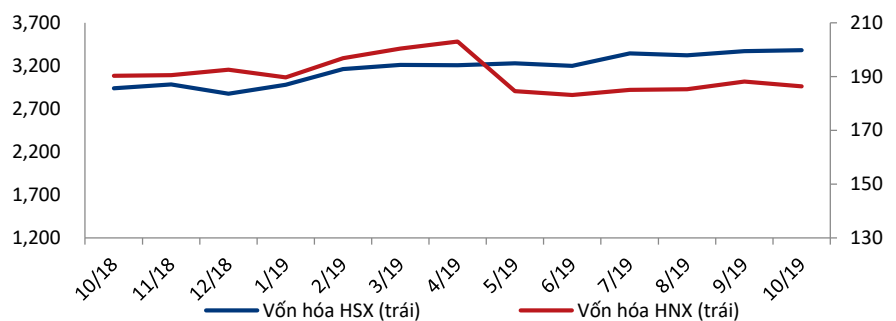
Quy mô vốn hóa

Vốn hóa trên cả 2 sàn đạt 3,566 nghìn tỷ đồng tương đương 153.1 tỷ USD tăng +0.25% MoM, +16.24% Ytd. Sàn Upcom giảm nhẹ xuống mức 982.9 nghìn tỷ cuối tháng 10. Tính trong tháng 10, trên sàn HOSE không có cổ phiếu niêm yết lần đầu, 478.5 triệu cổ phiếu niêm yết bổ sung và không có cổ phiếu hủy niêm yết; 3.1 triệu ETF niêm yết bổ sung, 5.3 triệu ETF hủy niêm yết; không có trái phiếu niêm yết bổ sung và 1.5 triệu trái phiếu hủy niêm yết.

Về quy mô niêm yết trên sàn HOSE tại ngày 31/10, sàn đang niêm yết 83.61 tỷ cổ phiếu tương đương 836.06 nghìn tỷ đồng (95.30% giá trị thị trường), 359.9 triệu trái phiếu tương đương 35.9 nghìn tỷ đồng (4.10% giá trị thị trường), 438.5 triệu chứng chỉ ETF tương đương 4.4 nghìn tỷ đồng (0.50% thị trường).

Đồ thị 11

Vốn hóa thị trường



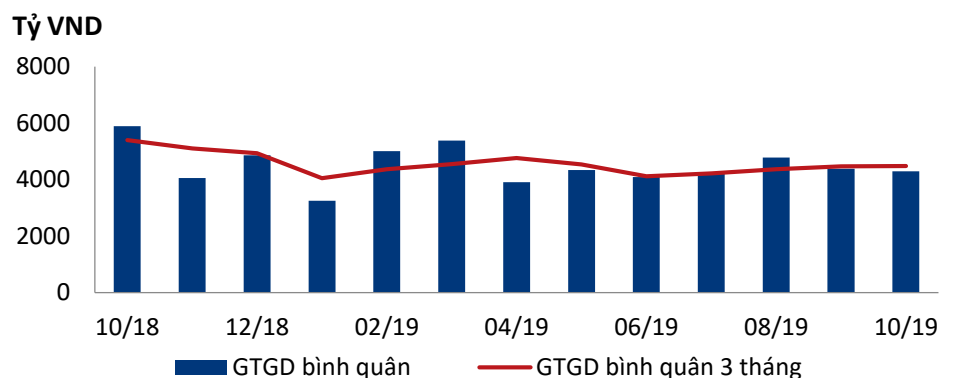
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Thanh khoản bình quân toàn thị trường

Thanh khoản bình quân trên 2 sàn giảm -1.98% so với tháng 9/2019, và duy trì ở mức 4,294 tỷ đồng/phiên và tương ứng với gần 184.3 triệu USD/phiên. Dòng tiền vẫn chỉ tập trung tại một số mã bluechips và chưa thực sự luân chuyển giữa các nhóm ngành.

Đồ thị 12

Giá trị giao dịch bình quân

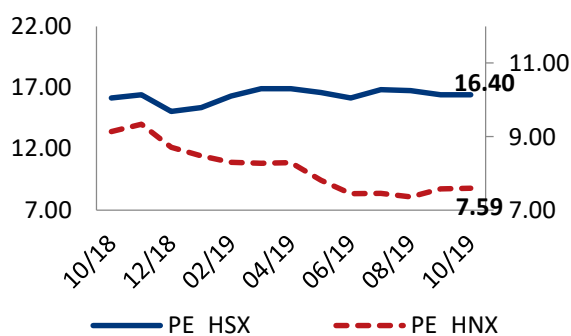


Mặt bằng giá của TTCK VN

P/E của VN-Index giảm xuống mức 16.42 tương ứng -2.97% MoM, +9.03% Ytd và HNX-Index tăng lên mức 7.59 tương ứng +0.23% MoM, -12.84% Ytd. So với tháng 9, P/E của chỉ số VN-Index giữ ở vị trí thứ 10 và HNX-Index giữ ở vị trí thứ 20 trong khu vực Châu Á.

Đồ thị 13

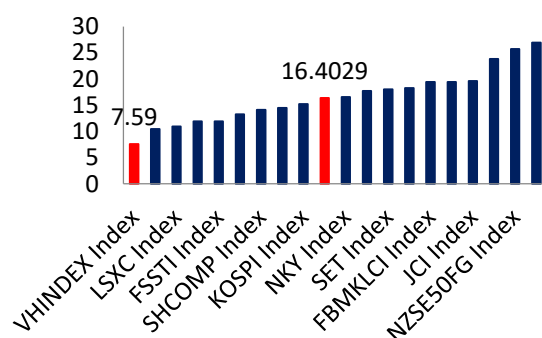
Diễn biến chỉ số P/E 2 sàn



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 14

Chỉ số P/E của VN so với các nước trong khu vực



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

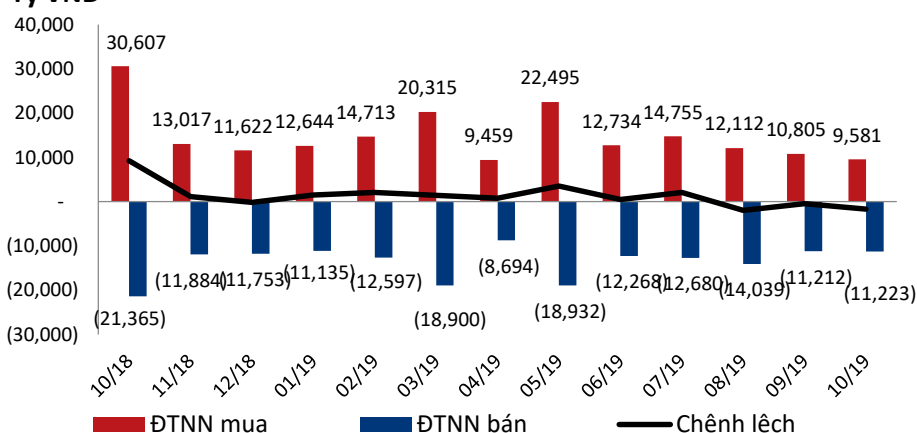
Giao dịch của khối ngoại

Trong tháng 10, khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trên cả hai sàn HSX và HNX. Sàn Upcom trong tháng 10 tiếp tục đi ngược lại xu thế chung khi nhận được dòng vốn ngoại với tổng giá trị mua ròng là 59.5 tỷ đồng, họ tập trung mua 85.9 tỷ đồng QNS và 55.2 tỷ đồng ACV trong khi bán ròng -86.2 tỷ đồng BSR.

Đồ thị 15

Diễn biến giao dịch khối ĐTNN trên 2 sàn

Tỷ VND



Trong tháng 10, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX -1,661 tỷ đồng với 164 cổ phiếu bị bán ròng và 150 cổ phiếu được mua ròng, bán ròng -28.4 tỷ đồng trên sàn HNX với 83 cổ phiếu bị bán và 92 cổ phiếu được mua. Trên sàn HSX, khối ngoại mua mạnh các mã VCB (225.6 tỷ đồng), BID (102.5 tỷ đồng), ROS (91.6 tỷ đồng), PTB (88.0 tỷ đồng), BMP (75.4 tỷ đồng) và bán các mã VIC (-397.3 tỷ đồng), VHM (-271.8 tỷ đồng), MSN (-221.5 tỷ đồng). Trên sàn HNX, nhóm này tập trung mua PVI (124.8 tỷ đồng), SHB (9.9 tỷ đồng) và bán PVS (-53.7 tỷ đồng), NET (-33.3 tỷ đồng).

Bảng 8

Tốp 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HSX tháng 10

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
VCB	225.63	VIC	(397.33)
BID	102.47	VHM	(271.79)
ROS	91.64	MSN	(221.52)
PTB	88.01	HPG	(213.10)
BMP	75.38	VRE	(177.38)
E1VFN30	73.71	VNM	(173.58)
KBC	71.21	GTN	(150.48)
AST	26.36	POW	(150.45)
SBT	19.12	HDB	(117.19)
NVL	18.67	PDR	(104.59)

Nguồn: BSC Research

Bảng 9

Tốp 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HNX tháng 10

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
PVI	124.82	PVS	(53.73)
SHB	10.00	NET	(33.32)
SHS	9.02	CEO	(20.69)
SCI	3.09	NTP	(13.49)
TIG	2.72	TNG	(7.38)
SLS	2.36	NDN	(3.39)
BAX	2.16	VCS	(2.32)
IDJ	1.89	DNP	(2.08)
LAS	1.83	INN	(1.71)
IDV	1.51	PGS	(1.63)

Nguồn: BSC Research

Triển vọng thị trường tháng 11

Tăng trưởng GDP của 2 nền kinh tế đứng đầu thế giới đều suy giảm, theo đó tăng trưởng quý III của Trung Quốc chỉ đạt 6% và là mức thấp nhất trong 27 trong khi Mỹ chỉ đạt 1.9% so với 2.9% cùng kỳ 2018 và 2% của quý II năm 2019. Các số liệu khác về sản xuất, XNK và tiêu dùng cũng đang cho thấy 2 nền kinh tế lớn này đều đang ngấm đòn từ cuộc chiến thương mại kéo dài hơn 1 năm qua. Do vậy dấu hiệu xuống thang hướng tới thỏa thuận thương mại vòng 1 là thông tin hỗ trợ tích cực cho tâm lý thị trường cùng với các chính sách điều chỉnh giảm lãi suất của các NHTW các nước và khu vực chủ chốt.

Các nền kinh tế có dấu hiệu giảm tốc tuy nhiên định hướng chính sách tiền tệ của các nước chủ chốt sau đợt giảm đang chưa rõ ràng. Sau khi giảm lãi suất lần thứ 3 trong năm 2019 xuống còn 1.5% - 1.75%, FED đã đề cập những điều kiện cao hơn để nới lỏng chính sách trong tương lai. Với EU và BOJ, dự địa giảm lãi suất rất hạn chế khi đã điều chỉnh lãi suất về mức -0.5% và 0%. Trong điều kiện nền kinh tế tiếp tục đi xuống, các gói QE sẽ là giải pháp khả thi hơn. So với các quốc gia chủ chốt trên, Trung Quốc đang còn nhiều dự địa hỗ trợ tăng trưởng hơn cả. Khoảng 610 tỷ USD bơm vào nền kinh tế trong năm 2019 từ các kênh cắt giảm thuế phí, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc, và từ suy yếu CNY. Tuy nhiên những giải pháp này vẫn chưa chặn được đà suy giảm kinh tế. Do vậy không ngạc nhiên khi xây dựng chính sách và dự báo tăng trưởng, NHTW các nước và các tổ chức quốc tế đều xem chiến tranh thương mại là yếu tố có tầm ảnh hưởng lớn. Đây cũng vẫn là yếu tố ảnh hưởng lớn đến diễn biến thị trường thời gian dài sắp tới.

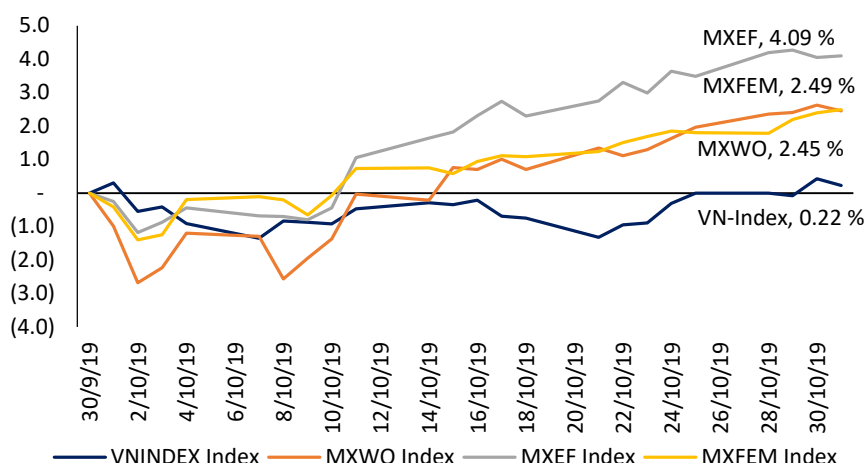
Trên thị trường tiền tệ, USD Index đã giảm giá -1.7%, mức giảm chủ yếu so với các đồng tiền chủ chốt như EU, CHF, CNY. Đáng chú ý CNY sau giảm giá mạnh nhất trong 25 năm vào tháng 8 đã hồi mạnh, tăng 1.3% so với USD về mức 7.04 trong tháng 10. Các đồng nội tệ khác cũng đều tăng nhẹ so với USD ngoại trừ ARS (Argentina) giảm giá 3.7%.

Ở thị trường hàng hóa, chỉ số BComp Index tăng 1.9%. Cuộc chiến thương mại đứng trước cơ hội đạt thỏa thuận vòng 1 đã giúp nhiều mặt hàng nông sản tăng điểm như Đậu tương (1.2%), Lúa mì (2.6%), Đường (7.6%), và Bông (+7.8%). Nhiều kim loại cũng tăng giá như Các kim loại như Đồng (+2.3%), Nhôm (+2.5%), Vàng (+3.3%), Bạc (+6.3%) và Chì (+7.5%) tuy nhiên Thép cán nóng và quặng sắt đi ngược xu thế với mức giảm lần lượt -4.9% và -13.6%.

Về thị trường chứng khoán, sau nhiều tháng tụt phía sau chỉ số MSCI khu vực mới nổi (MXEF) dẫn đầu đã tăng 4.1%, theo sau là chỉ số MSCI khu vực cận biên (MXFM) và MSCI khu vực phát triển (MXWO) với mức tăng lần lượt 2.49%, và 2.45%. Những chuyển biến tích cực về chiến tranh thương mại, đồng nội tệ phục hồi mạnh giúp chỉ số khu vực mới nổi tăng tích cực.

Đồ thị 16

MSCI khu vực phát triển, mới nổi và cận biên tháng 10/2019 (quy đổi USD)



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

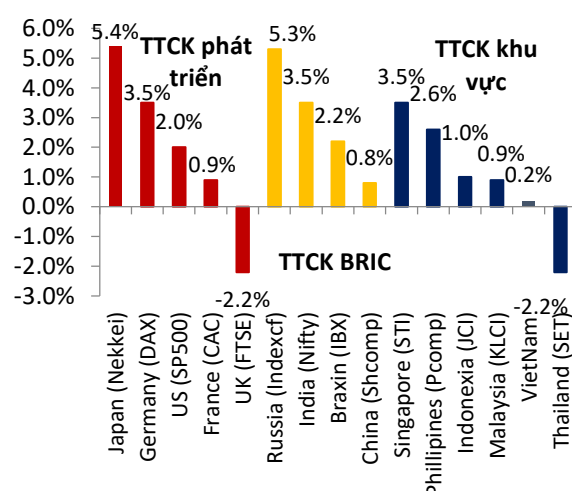
Ở khu vực thị trường phát triển, Nhật Bản dẫn đầu với mức tăng 5.4%. Anh là thị trường duy nhất giảm -2.2%. Xu hướng các thị trường chủ chốt tăng điểm khá ổn định.

Ở khu vực các nước BRIC, thị trường Nga tăng mạnh 5.3%, trong khi Trung Quốc tăng nhẹ 0.8%. Đồng nội tệ hồi phục hỗ trợ thị trường tăng điểm.

Ở thị trường khu vực, thị trường Singapore dẫn đầu tăng 3.5%. Thái Lan là thị trường duy nhất giảm -2.2% trong khi Việt Nam có mức tăng thấp.

Đồ thị 17

Biến động chỉ số CK các quốc gia trong tháng 10



Bảng 10

Khối ngoại mua bán ròng tháng 10 (Mio.USD)

Quốc gia	Tháng 10 (triệu USD)	10 Tháng (triệu USD)
India	1,781	9,942
Indonesia	(269)	3,387
Japan*	25,515	(13,989)
Malaysia	(87)	(1,992)
Philippines	73	192
Korea	(208)	2,925
Sri Lanka	(10)	(23)
Taiwan	4,094	6,570
Thailand	(258)	(430)
Pakistan	(11)	53
Vietnam	(75)	286

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Những thông tin tiêu cực từ về tăng trưởng chậm lại của các nền kinh tế chủ chốt được xóa mờ bởi động thái giảm lãi suất của FED và khả năng đạt thỏa thuận Mỹ - Trung vòng 1. VN-Index giao động từ 983 – 1,000 điểm trong tháng 10 nhờ nền tảng vĩ mô ổn định và vận động giá trong mùa công bố KQKD quý

III. Nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn nâng đỡ chỉ số và hấp thụ trạng thái bán rông của khối ngoại. Dòng tiền mặc dù không mạnh nhưng đã tìm cơ hội tại các nhóm cổ phiếu có tính thị trường cao và tạo ra sự phân hóa trên diện rộng. Vận động giá tích cực từ nhóm cổ phiếu VIC và ngân hàng đã giúp VN-Index vượt 1,000 điểm sau hơn nửa năm chờ đợi. VN-Index đóng cửa ở mức 998 điểm, tương đương với mức tăng 0.2%.

Thị trường tăng điểm nhưng số ngành giảm vẫn chiếm đa số với 13/18 ngành cấp II giảm điểm. Ngành Du lịch và giải trí, Ngân hàng và Tài nguyên cơ bản tăng lần lượt 3.9%, 3.8% và 0.7%. Các ngành tăng mạnh tháng trước đều chứng giá và điều chỉnh nhẹ. Các nhóm ngành giảm điểm mạnh gồm ngành Truyền thông, Ô tô và phụ tùng và Dầu khí với mức giảm lần lượt -7.2%, -3.2% và -3.0%. Các ngành giảm trên diện rộng đến từ áp lực bán rông của khối ngoại đồng thời dòng tiền khá hạn chế trong tháng 10. Các cổ phiếu trong các ngành có KQKD quý III cải thiện mạnh tiếp tục thu hút dòng tiền trong ngắn hạn.

Xét về mức ảnh hưởng của các cổ phiếu, 5 cổ phiếu dẫn đầu đã tác động tăng 10 điểm gồm VCB (+6.8%, góp 6.1 điểm), BID (+3.1%, góp 1.2 điểm), VJC (+5.3%, góp 1.2 điểm), CTG (+4.0%, góp 0.9 điểm), và HVN (+4.2%, góp 0.6 điểm). Ở chiều ngược lại, GAS (-2.6%, góp giảm 2.6 điểm), MSN (-5.5%, góp giảm 1.5 điểm), NVL (-6.7%, góp giảm 1.2 điểm), VIC (-0.7%, góp giảm 0.8 điểm), và SAB (-1.2%, góp giảm 0.6 điểm) lấy mất của thị trường 6.7 điểm. Sự phân hóa giữ các cổ phiếu có tỷ trọng vốn hóa lớn và những cổ phiếu trong cùng ngành khiến VN-Index dao động giằng co trong tháng 10.

Tháng 10, chúng tôi đã thăm doanh nghiệp và đưa ra khuyến nghị các mã báo cáo như TRC ([Link](#)), PC1 ([Link](#)) và DWG ([Link](#)). Tháng 10 cũng là thời điểm các công ty niêm yết ra báo cáo KQKD quý III, chúng tôi cũng tập trung cập nhật tình hình kinh doanh và ra 19 báo cáo nhanh ([Link](#)). Bên cạnh đó, chúng tôi cũng phát hành Báo cáo triển vọng ngành ([Link](#)), đưa những nhận định về triển vọng ngành quý IV và cả năm 2019. Báo cáo nhận định đánh giá khả quan với các ngành Bảo hiểm phi nhân thọ, Bất động sản khu công nghiệp, Công nghệ thông tin – Bưu chính viễn thông, Dệt may, Điện, Hàng không, Ngân hàng và Tiêu dùng. Đối với các danh mục tư vấn đầu tư i-Invest, chủ đề vật liệu xây dựng có mức tăng 2.9%, cao hơn so với mức tăng 0.5% của VN-Index.

Trên cơ sở rà soát những thông tin có ảnh hưởng đến TTCK, những thông tin sau đáng chú ý trong tháng 11:

Vĩ mô ổn định, động lực tăng trưởng duy trì trong tháng 10 hỗ trợ hoàn thành các mục tiêu kinh tế xã hội trong năm 2019. Các chỉ tiêu vĩ mô duy trì ổn định trong tháng 10, trong đó CPI tăng 0.59%, đưa mức CPI bình quân 10 tháng ở mức 2.48% so cùng kỳ; Chỉ số USD tăng 0.03%, giảm 0.46% so với tháng 12; Thu ngân sách nhà nước bằng 80.3% dự toán, chênh lệch thu chi 40 nghìn tỷ.

Các động lực tăng trưởng giữ vững: (1) Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tiêu dùng tăng 1.5% so tháng trước và tăng 13.3% so cùng kỳ 2018; (2) Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng 2.7% so tháng trước và tăng 9.2% so cùng kỳ; (3) Tổng số vốn FDI thực hiện 10 tháng tăng 7.4% so cùng kỳ;

(4) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách tăng 10% cùng kỳ; (5) Tổng kim ngạch XNK tháng 10 giảm 4.1% so tháng trước chủ yếu do Samsung kết thúc sản phẩm mới Galaxy Note 10, tính chung 10 tháng vẫn tăng 7.4% so cùng kỳ; (5) Khách quốc tế tăng 3.7% so tháng trước; (6) Số lượng doanh nghiệp mở mới tăng 109.9% cùng kỳ năm trước.

Số liệu kinh tế vĩ mô công bố tháng 10 vẫn đang cho thấy nền kinh tế vẫn giữ được các động lực tăng trưởng cũng như ổn định vĩ mô hỗ trợ hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2019. Đây cũng những yếu tố quan trọng tạo nền giá ổn định cho thị trường chứng khoán vào những tháng cuối năm.

Tính đến 31/10, 85% công ty niêm yết trên HSX và HNX công bố KQKD quý III. LNST tăng trưởng 14.6% so cùng kỳ 2018, Nhóm Ngân hàng đóng góp chủ yếu cho tăng trưởng. 649 công ty trên 2 sàn chính đã công bố KQKD III với tổng giá trị LNST tuyệt đối đạt 57,872 tỷ, tăng 14.6% so cùng kỳ năm 2018. Số lượng công ty có LNST quý III tăng trưởng dương chiếm 59.9% và số công ty công bố có lãi chiếm 88.7%. Nhóm 5 công ty có giá trị LNST tuyệt đối tăng trưởng lớn nhất gồm VCB (+2,113 tỷ), VHM (+1,623 tỷ), MSN (+1,480 tỷ), VPB (+883 tỷ), và CTG (+640 tỷ). Nhóm 5 công ty có giá trị LNST tuyệt đối giảm mạnh nhất gồm HPG (-646 tỷ), NVL (-357 tỷ), VHC (-355 tỷ), GAS (-317 tỷ), và CTD (-308 tỷ).

Xét riêng nhóm cổ phiếu VN30, 29/30 công ty đã công bố KQKD quý III, theo đó giá trị LNST đạt 39,797 tỷ, chiếm 68.8% LNST toàn thị trường, tăng trưởng 27% so cùng kỳ. 20/29 công ty có tăng trưởng LNST dương và không có công ty nào thua lỗ.

Xét riêng nhóm cổ phiếu ngân hàng, 13/13 ngân hàng niêm yết trên HSX và HNX đã công bố KQKD quý III, theo đó giá trị LNST đạt 21,102 tỷ, chiếm 36.4% LNST toàn thị trường, tăng trưởng 43.1% so cùng kỳ. Tất cả các ngân hàng đều có tăng trưởng LNST dương.

Bức tranh lợi nhuận của phần lớn các công ty đã công bố cho thấy mức độ cải thiện lợi nhuận đã tích cực dần theo từng quý tuy nhiên mức cải thiện không đồng đều. Nhóm cổ phiếu VN30 và nhóm Ngân hàng có mức tăng trưởng lợi nhuận lần lượt 27% và 43.1%, vượt xa so với mức tăng trưởng chung của thị trường là 14.6%. Chỉ riêng nhóm Ngân hàng đã đóng góp 86.4% giá trị lợi nhuận tuyệt đối tăng trưởng trong quý III. Các công ty còn lại sẽ công bố trong tuần tới và cơ bản không làm thay đổi kết quả tổng thể. Động lực tăng điểm từ KQKD quý III không còn nhiều và chuyển sang các thông tin hỗ trợ trong nước và quốc tế khác.

Luật chứng khoán sửa đổi dự kiến thông qua trong tháng 11, tạo hành lang pháp lý cho những cải cách và hỗ trợ thị trường phát triển.

Luật chứng khoán sửa đổi sẽ biểu quyết thông qua vào tháng 11/2019 tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV. Một số nội dung của dự thảo Luật còn nhiều ý kiến khác nhau như về chào bán cổ phiếu thấp hơn mệnh giá; điều kiện chào bán chứng khoán ra công chúng; chào bán trái phiếu riêng lẻ của tổ chức phát hành không phải là công ty đại chúng; chào bán chứng khoán riêng lẻ của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; vị trí, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước; mô hình và tổ chức của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam; tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức hoạt động và chức năng đăng ký giao dịch bảo đảm của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Dự thảo Luật có một vài điểm lưu ý như tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Chính phủ quy định và công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán. Khi Luật thông qua sẽ tạo hành lang pháp lý cho Chính phủ quy định và mở nút thắt tỷ lệ sở hữu nước ngoài cũng như tạo điều kiện cho các công ty chứng khoán mở rộng các hoạt động kinh doanh đáp ứng nhu cầu nhà đầu tư và giúp thị trường hoạt động hiệu quả.

Luật chứng khoán mới được ban hành sẽ đáp ứng được nhu cầu phát triển mới của thị trường, đồng thời sẽ tạo bước ngoặt quan trọng trong việc cải thiện các tiêu chí nâng hạng thị trường đối với FTSE năm 2020 và MSCI vào năm 2021.

Việt Nam có nguy cơ bị Mỹ gắn mác “thao túng tiền tệ” trong báo cáo dự kiến công bố vào tháng 11.

Trong báo cáo ra tháng 5, Mỹ đã đưa Việt Nam vào danh sách giám sát do đã thỏa mãn 2 tiêu chí về thặng dư thương mại song Phương và thặng dư cán cân vãng lai. Cùng với Việt Nam, 8 nước khác cũng nằm trong danh sách này tuy nhiên Bộ tài chính Mỹ không gắn mác thao túng tiền tệ cho quốc gia nào cho đến tháng 8 khi Trung Quốc bị cho là thao túng tiền tệ khi tỷ giá USD/CNY vượt qua ngưỡng 7.

Trong báo của ngân hàng ING (Hà Lan), dựa trên nguồn số liệu của Bộ tài chính để tính toán cho thấy Việt Nam đã vi phạm cả 3 tiêu chí gồm: (1) thặng dư thương mại 47 tỷ USD so quy định > 20 tỷ USD; (2) thặng dư tài khoản vãng lai/GDP 3% so với quy định > 2% GDP; (3) Tổng lượng ngoại tệ mua ròng 2.6% GD trong giai đoạn 12 tháng so với quy định > 2% GDP 6 trong 12 tháng.

Đây chỉ là nhận định của tổ chức tài chính, tuy nhiên số liệu dự trữ ngoại hối của nhiều tổ chức trong nước nhận định đến tháng 11 trên 70 tỷ USD, so với số liệu cuối tháng 5/2018 là 63.5 tỷ USD và GDP 249 tỷ USD thì khả năng vượt tỷ lệ 2% là không ngoại trừ. Dù vậy trong thực tế nhiều quốc gia vi phạm tiêu chí 1 và 2 nhưng vẫn thoát tiêu chí 3 nhờ mức độ can thiệp vào tỷ giá thấp, cũng như nỗ lực cam kết mua hàng hóa Mỹ gần đây và đây cũng là các yếu tố để Việt Nam tiến hành trao đổi trong quá trình đàm phán trước khi Mỹ gán nhãn thao túng tiền tệ.

Đàm phán thương mại Mỹ - Trung đứng trước cơ hội ký kết thỏa thuận “giai đoạn 1” tuy nhiên thỏa thuận thương mại dài hạn toàn diện vẫn đang bỏ ngõ. Sau khi động thái xuống thang và các cam kết được đưa ra, thỏa thuận “giai đoạn 1” Mỹ - Trung dự kiến sẽ được nguyên thủ 2 nước ký kết bên lề Hội nghị thượng đỉnh Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương tại Chile. Tuy nhiên địa điểm ký thỏa thuận đang phải thay đổi khi Chile hủy đăng cai sự kiện này vào ngày 16-17/11 vì những cuộc biểu tình.

Ông Trump cho biết 2 bên đang tìm địa điểm mới ký thỏa thuận và thông tin giai đoạn 1 chiếm 60% của thỏa thuận toàn diện trong khi việc Mỹ yêu cầu Trung Quốc mua nông sản với giá trị 50 tỷ USD, gấp đôi lượng mua hàng năm, đang là trở ngại khiến chiến tranh thương mại Mỹ - Trung rơi vào bế tắc. Mặt khác Trung Quốc đang hoài nghi về việc tiến đến thỏa thuận thương mại dài hạn toàn diện ngay cả khi 2 bên ký thỏa thuận “giai đoạn 1”. Trung Quốc cũng muốn Mỹ hủy đề xuất áp hàng rào thuế quan mới vào ngày 15/12/2019. Mặt khác, thỏa thuận cuối cùng liên quan đến gỡ bỏ toàn bộ hàng rào thuế quan từ phía Trung Quốc và quy định cải cách những lĩnh vực, trong đó có doanh nghiệp nhà nước, theo yêu cầu Mỹ. Đây là những vấn đề gai góc và là nguyên nhân khiến cho các vòng đàm phán thất bại sẽ còn làm đau đầu cho cả 2 bên.

Bảng 11

Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường trong tháng 11/2019:

Sự kiện	Tác động đến TTCK
Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát thấp, các động lực tăng trưởng giữ vững,	Tích cực
Ngân hàng nhà nước điều hành linh hoạt theo biến động thế giới, điều chỉnh giảm lãi suất tín phiếu và còn dư địa điều hành chính sách hỗ trợ tăng trưởng.	Hỗ trợ doanh nghiệp và dòng tiền trong nước
Luật chứng khoán sửa đổi dự kiến thông qua trong tháng 11/2019	Tích cực
Nhóm cổ phiếu VN30 và cổ phiếu Ngân hàng có LNST quý III tích cực, tạo nền giá và hỗ trợ thị trường ở nhịp điều chỉnh.	Tạo nền giá cho thị trường
Bộ chỉ số và các quỹ đầu tư trên bộ chỉ số VN-Diamond Index và VN-Capped Financial Index, tập hợp các cổ phiếu gần hết hoặc hết room.	Tích cực Thu hút dòng tiền ngoại
Quốc hội thông qua dự án Luật và bổ sung 1 số điều như Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp,... bên cạnh Luật chứng khoán.	Tạo hành lang pháp lý, khơi thông động lực tăng trưởng
Ký kết thỏa thuận “giai đoạn 1” đàm phán thương mại Mỹ - Trung	Tác động mạnh đến các thị trường và tâm lý NĐT
Báo cáo Bộ tài chính Mỹ về chính sách ngoại hối và kinh tế vĩ mô của các đối tác thương mại lớn, Việt Nam đang nằm trong danh sách giám sát.	Nhạy cảm
Sau đợt giảm lãi suất, các nền kinh tế chủ chốt đang đứng giữa ngã 3 đường và chờ thêm những tín hiệu trước khi quyết định xu hướng chính sách tiếp theo.	Ảnh hưởng dòng tiền quốc tế
Các cuộc xung đột địa chính trị, các nguy cơ xung đột vùng Vịnh ảnh hưởng đến giá dầu.	Gây xáo trộn, ảnh hưởng cục bộ

Nguồn: BSC Research

VN- Index đang có nhịp tăng chậm hơn so với khu vực và thế giới do đứng trước ngưỡng tâm lý 1,000 điểm và ảnh hưởng từ hoạt động bán ròng của khối ngoại. Hiệu ứng từ KQKD quý III giảm dần và thị trường cần yếu tố hỗ trợ tạo chuyển biến mới sau khi đã tích lũy chặt chẽ. Với chuyển biến tích cực từ KQKD quý III và hiệu ứng mua cổ phiếu quỹ của một vài cổ phiếu lớn, VN-Index đã vượt qua ngưỡng tâm lý 1,000 điểm và đang hướng tới ngưỡng 1,050 điểm như đề cập trong báo cáo quý IV ([Link](#)). Các cổ phiếu lớn đóng vai trò dẫn dắt, hình thành mặt bằng giá mới trước khi lan tỏa sang các nhóm cổ phiếu có KQKD cải thiện và triển vọng tích cực. Vùng vận động giá VN-Index tháng 10 từ 983 điểm - 1,050 điểm.

- Trường hợp tích cực, VN-Index tăng điểm đến 1,050 điểm và duy trì trên ngưỡng 1,000 điểm. Thanh khoản cải thiện dần, hoạt động luân chuyển ngành rõ rệt hơn.

- Trường hợp tiêu cực, VN-Index có thể giảm dưới 983 điểm nếu có những thông tin bất lợi từ thế giới và áp lực tiếp tục thoái vốn từ khối ngoại.

NĐT có thể tham khảo một số chủ đề, và các báo cáo cập nhật trong các tháng:

- Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng Ngành năm 2019 ([Link](#)) và Báo cáo triển vọng ngành quý IV ([Link](#));
- Nhóm cổ phiếu cải thiện mạnh và có triển vọng tích cực như Ngân hàng, Bán lẻ, công nghệ thông tin – bưu chính viễn thông;
- Nhóm cổ phiếu đánh giá triển vọng tích cực như BĐS khu công nghiệp, dệt may, điện, hàng không;
- Các cổ phiếu có tính phòng thủ cao và trả cổ tức cao;
- Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo chiến lược ngành quý III, các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

Danh mục đáng chú ý trong tháng: Theme_Vật liệu Xây dựng_2.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề (click để xem báo cáo)								
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	-0.2%	2.9%	5.1%	4.2%	13.8%	10.1%	147.5%
Ngân hàng	-0.5%	0.4%	1.1%	11.4%	15.5%	19.0%	84.2%	155.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.0%	0.2%	0.9%	8.3%	10.0%	8.2%	40.2%	89.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.3%	-0.4%	0.5%	6.9%	12.8%	22.5%	91.0%	176.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.5%	0.3%	0.5%	-0.8%	1.1%	13.4%	79.7%	159.7%
Dầu khí	-0.3%	1.3%	-0.1%	-5.3%	-3.6%	3.9%	13.5%	-24.8%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.3%	-1.0%	-0.2%	2.0%	-2.2%	2.6%	-4.2%	118.6%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.3%	0.2%	-0.6%	7.0%	11.1%	13.1%	73.2%	115.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.5%	-0.8%	-0.8%	10.2%	17.3%	19.7%	81.0%	153.4%
Hàng tiêu dùng	-0.8%	-2.5%	-0.8%	2.5%	8.1%	16.8%	59.2%	145.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	0.0%	-1.3%	-4.3%	-0.4%	20.7%	50.7%	109.6%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.9%	-0.7%	-1.5%	-0.6%	5.8%	11.9%	59.9%	109.5%
Nước & Năng lượng	-0.4%	0.9%	-1.7%	1.3%	0.8%	16.3%	53.8%	56.8%
Lãi suất giảm	-0.9%	-1.3%	-1.7%	-0.9%	2.6%	6.7%	50.3%	165.2%
Chiến tranh thương mại	-1.1%	-1.8%	-2.5%	-5.4%	-2.5%	1.6%	7.1%	103.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.1%	-0.1%	-3.5%	-4.1%	-6.1%	-6.7%	42.6%	71.1%
Xây dựng	-1.0%	-0.3%	-5.5%	-0.8%	-4.3%	-7.0%	25.6%	62.3%
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất tuần cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất tuần thấp nhất.							
Danh mục 16	-0.5%	-0.6%	1.6%	6.5%	20.9%	28.1%	72.1%	183.7%
Danh mục 1	-0.6%	-0.2%	1.6%	7.3%	11.8%	14.5%	92.4%	140.6%
Danh mục 14	-0.9%	-0.8%	1.3%	8.2%	13.5%	14.4%	51.8%	116.1%
Danh mục 10	-0.5%	-0.1%	-1.5%	2.2%	8.4%	16.5%	56.7%	104.2%
Danh mục 6	-1.1%	-1.1%	-2.3%	8.0%	13.7%	23.9%	121.0%	236.2%
* Note	12/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tháng khả quan							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất tuần cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất tuần thấp nhất.							
Danh mục 19	-1.2%	-1.0%	1.1%	8.3%	16.2%	29.4%	59.4%	126.1%
Danh mục 21	-0.7%	0.4%	0.8%	9.7%	15.4%	21.9%	70.0%	106.2%
Danh mục 22	-0.6%	-1.0%	0.6%	7.5%	16.6%	33.1%	72.8%	138.7%
Danh mục 25	-0.5%	-1.3%	0.1%	4.1%	19.3%	50.3%	179.2%	223.0%
Danh mục 23	-0.8%	-1.6%	0.1%	-0.7%	8.5%	44.9%	154.9%	168.9%
* Note	7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng khả quan							
INDEX								
VNINDEX	-0.2%	0.5%	0.8%	0.8%	4.3%	10.9%	45.5%	64.9%
VN30INDEX	-0.3%	-0.3%	0.3%	4.2%	5.2%	4.7%	40.4%	43.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

